

Tuần 21 (Dạy tuần 23)

Tiết: 89

Nội dung 2

Độc kết nối chủ điểm: CHỊ SẼ GỌI EM BẰNG TÊN

Jack Canfield & Mack Victor Hansen

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

1. Kiến thức

- Nhận biết và bước đầu nhận xét được một số nét độc đáo của văn bản dịch thuộc thể loại văn xuôi.
- Nêu được tác dụng của yếu tố tự sự và miêu tả trong văn bản.

2. Kỹ năng

- Phân tích để thấy được ý nghĩa sâu sắc của bài thơ.

3. Thái độ:

- Học sinh có ý thức vận dụng bài học vào các tình huống, hoàn cảnh thực tế đời sống của bản thân, luôn biết lắng nghe, quan tâm lẫn nhau bằng những cử chỉ nhỏ nhất để gia đình luôn đoàn kết yêu thương.

II. KIẾN THỨC CƠ BẢN

? Trình bày hiểu biết của em về tác giả.

*Mark Victor Hansen:

- Sinh vào 1/1948.
- Là một diễn giả tâm huyết, ông đã thực hiện nhiều cuộc nói chuyện ở nhiều quốc gia về đề tài cuộc sống, cách tìm kiếm sức mạnh tinh thần và động lực sống.
- Là cha đẻ bộ sách “Chicken Soup for the Soul” nổi tiếng cùng với Canfield.

* Jack Canfield :

- Sinh ngày 19/8/1944, tại Hoa Kỳ.
- Tốt nghiệp Thạc sĩ ngành tâm lý giáo dục tại Harvard, được công nhận là bậc thầy đào tạo từ trường Đại học Massachusetts Amherst.
- Năm 1973 ông được tổ chức Jaycees vinh danh là một trong mười người đàn ông xuất chúng của nước Mỹ.
- Tác phẩm: Trích *Tình yêu thương gia đình*, bộ sách *Hạt giống tâm hồn*.
- Phương thức biểu đạt: Tự sự.
- Ngôi kể: ngôi thứ nhất, người chị xưng “tôi”.
- Nhân vật chính trong truyện là người chị và em trai.
- Bố cục: chia làm 3 phần
- + Phần 1: Từ đầu đến “và em hay bật cười chẳng vì lí do gì” → Nhân vật tôi (chị gái) giới thiệu về người em trai.
- + Phần 2: Tiếp theo đến “... mọi chuyện lại đâu vào đấy”: Mối quan hệ giữa hai chị em trước khi có buổi trò chuyện.
- + Phần 3: Còn lại: Cuộc trò chuyện giữa hai chị em làm người chị thay đổi cách cư xử với em.

? Mối quan hệ căng thẳng giữa hai chị em trước buổi trò chuyện

Người em

- Ngoại hình: đôi mắt to đen láy → Toát lên vẻ vừa lạ lùng vừa e dè.
 - Tính cách: E dè, lạ lùng, không giống những đứa trẻ khác.
 - + Không thể hiểu những câu chuyện đùa.
 - + Mất nhiều thời gian học những điều cơ bản.
 - + Hay bật cười chẳng vì lí do gì.
 - Sự kiện bước ngoặt trong cuộc đời:
 - + Thời điểm: Khi em vào lớp Một.
 - + Sự kiện: Cô than phiền em hay cười trong lớp và khi bị phạt ngoài hành lang, em cứ ngấm nghĩa viên gạch dưới chân.
- Năm tiếp theo, em làm một bài kiểm tra và cho thấy em cần chuyển lớp.
- + Kết quả: Em chuyển sang lớp giáo dục đặc biệt.
- ? **Mối quan hệ của hai chị em**
Căng thẳng.
- Thái độ của người chị: lạnh lùng và ghét em trai mình.
 - Lí do: Khi đi cùng em, mọi người đều nhìn chằm chằm vì em tỏ ra khác thường.
 - Hành động:
 - + Nghiến răng giận dữ và ước em được bình thường.
 - + Trùng mắt nhìn em dọa em sợ.
 - + Khi chạm ánh mắt, nói lớn.
 - + Hiếm khi gọi bằng tên mà đặt đủ thứ biệt danh xấu xí.
- ? Buổi trò chuyện đặc biệt và mối quan hệ giữa hai chị em sau buổi nói chuyện
- * Điều mở ra mối quan hệ mới cho hai chị em là cuộc nói chuyện đầy ngây ngô của người em với chị trên đường ra trạm xe buýt.
- ? **Hoàn cảnh của buổi trò chuyện**
- **Thời điểm:** Một ngày hè năm trước, trong buổi chiều tháng 7 nắng ấm.
 - **Lí do:** Cha mẹ đi vắng, người chị có hẹn khám nha sĩ phải dắt em theo. Khi đang rảo bước trên vỉa hè, tự nhiên người chị muốn nói chuyện.
- ? **Nội dung cuộc trò chuyện**

Người chị	Người em
Nội dung câu hỏi: + Về mùa hè của em. + Kiểu xe em thích. + Dự định trong tương lai.	Nội dung câu trả lời: + Mê xe Ca-đi-lắc. + Mơ ước thành kĩ sư hoặc doanh nhân. + Thích nghe loại nhạc là Rap nhưng lại nêu dẫn chứng một nhóm nhạc Rock.
Thái độ: + Mặc dù câu trả lời hơi nhàm chán nhưng vẫn lắng nghe chăm chú. Người chị chịu nói chuyện, chịu lắng nghe và không cáu giận. → thể hiện sự mở lòng của người chị với đứa em.	Thái độ: + Trả lời hào hứng mặc dù ngắn gọn. + Người em chịu mở lòng.

+ Thay đổi cách nhìn về người em: đầy hoài bão, tốt bụng, thân thiện, cởi mở và hoạt ngôn.	
--	--

? Sự thay đổi trong mối quan

* **Tình cảm của em dành cho chị sau buổi trò chuyện:**

+ Kể với cha về cuộc trò chuyện của hai chị em với lời nói chân thành, giản dị.

+ Không những không ghét chị mà nghĩ chị là một người chị tốt.

→ Người em là cậu bé hồn nhiên, ngây thơ, yêu thương, vị tha.

* **Sự thay đổi của người chị:**

- Khi nghe được cuộc nói chuyện giữa bố và em trai, người chị đã bật khóc, cảm động và có phần xấu hổ vì biết em yêu quý, trân trọng mình.

- Người chị đã thay đổi: biết quan tâm, chăm lo và yêu thương em mình hơn:

+ Không còn tròng mắt.

+ Tự hứa về những thay đổi trong tương lai: *Khi đi cùng em không cảm thấy ngượng ngùng, dạy em học, chỉ cách sử dụng máy tính, trò chuyện nhiều hơn và gọi em bằng tên Eric Ca-ros-to.*

→ Người chị có sự thay đổi tích cực, trở nên thấu hiểu, biết cảm thông hơn.

* **Bài học rút ra:** Cần phải chia sẻ, thấu hiểu, vị tha, yêu thương những người trong gia đình (và cả những người xung quanh); không vì một vài khiếm khuyết mà xa lánh, lạnh lùng, đối xử không tốt với họ.

III. BÀI GHI

Tiết 89

Nội dung 2

Độc kết nối chủ điểm: CHỊ SẼ GỌI EM BẰNG TÊN

Jack Canfield & Mack Victor Hansen

I. Tác giả, tác phẩm

1. Tác giả

***Mark Victor Hansen:**

- Sinh vào 1/1948.

* **Jack Canfield :**

- Sinh ngày 19/8/1944, tại Hoa Kỳ.

2. Tác phẩm

Trích *Tình yêu thương gia đình*, bộ sách *Hạt giống tâm hồn*.

II. Đọc - hiểu văn bản

1. Mối quan hệ căng thẳng giữa hai chị em trước buổi trò chuyện

a. Giới thiệu về người em

- Ngoại hình: đôi mắt to đen láy → Toát lên vẻ vừa lạ lùng vừa e dè.

- Tính cách: E dè, lạ lùng, không giống những đứa trẻ khác.

- Sự kiện bước ngoặt trong cuộc đời:

+ Thời điểm: Khi em vào lớp Một.

+ Sự kiện: Cô than phiền em hay cười trong lớp và khi bị phạt ngoài hành lang, em cứ ngắm nghía viên gạch dưới chân.

Năm tiếp theo, em làm một bài kiểm tra và cho thấy em cần chuyển lớp.

+ Kết quả: Em chuyển sang lớp giáo dục đặc biệt.

b. Mối quan hệ của hai chị em: Căng thẳng.

- Thái độ của người chị: lạnh lùng và ghét em trai mình.

- Lí do: Khi đi cùng em, mọi người đều nhìn chăm chăm vì em tỏ ra khác thường.

- Hành động:

+ Nghiến răng giận dữ và ước em được bình thường.

+ Trùng mắt nhìn em dọa em sợ.

- Phản ứng của người em: Sợ sệt, e dè: Khi bị quát chỉ nhanh chóng quay đi và nói khẽ "Dạ không có gì."

2. Buổi trò chuyện đặc biệt và mối quan hệ giữa hai chị em sau buổi nói chuyện

a. Hoàn cảnh của buổi trò chuyện

- Thời điểm: Một ngày hè năm trước, trong buổi chiều tháng 7 nắng ấm.

- Lí do: Cha mẹ đi vắng, người chị có hẹn khám nha sĩ phải dắt em theo. Khi đang rảo bước trên vỉa hè, tự nhiên người chị muốn nói chuyện.

b. Nội dung cuộc trò chuyện

Người chị	Người em
Nội dung câu hỏi: + Về mùa hè của em. + Kiểu xe em thích. + Dự định trong tương lai.	Nội dung câu trả lời: + Mê xe Ca-đi-lắc. + Mơ ước thành kĩ sư hoặc doanh nhân. + Thích nghe loại nhạc là Rap nhưng lại nêu dẫn chứng một nhóm nhạc Rock.
Thái độ: + Mặc dù câu trả lời hơi nhảm chán nhưng vẫn lắng nghe chăm chú. Người chị chịu nói chuyện, chịu lắng nghe và không cáu giận. .→ thể hiện sự mở lòng của người chị với đứa em. + Thay đổi cách nhìn về người em: đầy hoài bão, tốt bụng, thân thiện, cởi mở và hoạt ngôn.	Thái độ: + Trả lời hào hứng mặc dù ngắn gọn. + Người em chịu mở lòng.

c. Sự thay đổi trong mối quan

* **Tình cảm của em dành cho chị sau buổi trò chuyện:**

+ Kể với cha về cuộc trò chuyện của hai chị em với lời nói chân thành, giản dị.

+ Không những không ghét chị mà nghĩ chị là một người chị tốt.

→ Người em là cậu bé hồn nhiên, ngây thơ, yêu thương, vị tha.

* **Sự thay đổi của người chị:**

- Khi nghe được cuộc nói chuyện giữa bố và em trai, người chị đã bật khóc, cảm động và có phần xấu hổ vì biết em yêu quý, trân trọng mình.
- Người chị đã thay đổi: biết quan tâm, chăm lo và yêu thương em mình hơn:
 - + Không còn tròng mắt.
 - + Tự hứa về những thay đổi trong tương lai: *Khi đi cùng em không cảm thấy ngượng ngùng, dạy em học, chỉ cách sử dụng máy tính, trò chuyện nhiều hơn và gọi em bằng tên Ê-ric Ca-rơ-tơ.*
- Người chị có sự thay đổi tích cực, trở nên thấu hiểu, biết cảm thông hơn.
- Chính lòng tốt của người em đã cảm hóa người chị và giúp chị nhận ra được ý nghĩa của tình thân trong gia đình.

III. Tổng kết

1. Nghệ thuật:

- Ngôi kể thứ nhất giúp nhân vật bộc lộ được những tâm trạng, cảm xúc chân thực, gay xúc động cho người đọc.
- Nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật tinh tế, sắc sảo.

2. Nội dung:

Truyện kể về cách cư xử của chị em trong gia đình. Qua đó, truyện gửi gắm ý nghĩa để gia đình gắn kết, yêu thương nhau rất cần sự quan tâm, lắng nghe, chia sẻ của mọi thành viên

Dặn dò

- Đọc phần tri thức Tiếng Việt SGK trang 27
- Làm các bài tập thực hành Tiếng Việt SGK/ 34, 35

Tiết: 90

Nội dung 3 THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

1. Kiến thức

- Nhận biết được từ đa nghĩa và từ đồng âm, phân tích được tác dụng của chúng.
- Nhận biết và phân tích được hiện tượng chuyển nghĩa của từ.
- Nhận biết và phân tích được tác dụng của biện pháp tu từ ẩn dụ.

2. Kỹ năng

- Học sinh có ý thức vận dụng bài học vào các tình huống, hoàn cảnh thực tế đời sống của bản thân.

3. Thái độ

- Quý trọng sự giàu đẹp của Tiếng Việt.
- Làm chủ được bản thân trong quá trình học tập, có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

II. Kiến thức cơ bản

Từ đa nghĩa

Xét ví dụ

- “Đi” trong VD1 là nghĩa gốc chỉ hành động của người hay động vật tự di chuyển bằng những động tác lên tiếp của chân.
- “Đi” trong VD2 là nghĩa chuyển chỉ hoạt động di chuyển của phương tiện vận tải trên một bề mặt.

→ Từ đa nghĩa

Nhận xét

- Từ đa nghĩa là từ có nhiều nghĩa, trong đó có nghĩa gốc và nghĩa chuyển.
- + Nghĩa gốc là nghĩa xuất hiện trước, làm cơ sở để hình thành các nghĩa khác.
- + Nghĩa chuyển là nghĩa được hình thành trên cơ sở nghĩa gốc.

- Ví dụ về từ đa nghĩa:

- + Nam đang **chạy** (1) bộ.
- + Cái đồng hồ này **chạy** (2) nhanh 5 phút.
- + Bà con khẩn trương **chạy** (3) lũ.
- + Mặt hàng này bán rất **chạy** (4).

→ **Chạy** 1: Di chuyển cơ thể bằng những bước nhanh.

Chạy 2: Hoạt động của máy móc.

Chạy 3: Đi nơi khác để tránh nguy hiểm.

Chạy 4: Nhanh, nhiều người mua.

Từ đồng âm

Xét ví dụ

- “Tiếng” trong VD1 là từ chỉ âm thanh phát ra từ một sự vật, đối tượng.
- “Tiếng” trong VD2 là từ chỉ thời gian một giờ đồng hồ.

→ Từ đồng âm

Nhận xét

- **Từ đồng âm** là những từ giống nhau về âm thanh nhưng nghĩa khác nhau, không liên quan gì với nhau.

- Từ đồng âm đôi khi được sử dụng để tạo ra những cách nói độc đáo.

Thực hành

1. Bài tập 1/trang 36:

a) Từ “trong” 1 chỉ sự tinh khiết, không có gợn, mắt có thể nhìn thấu suốt qua.

Từ “trong” 2 chỉ giới hạn về không gian của hoạt động, sự việc được nói đến.

b) Nghĩa của hai từ “trong” không liên quan đến nhau.

c) Đây là hai từ đồng âm.

2. Bài tập 2/Trang 36:

a. Giải thích nghĩa của từ “cánh”:

- “Cánh” trong “cánh buồm” nghĩa là: bộ phận của con thuyền giúp nó có thể di chuyển được trên mặt nước nhờ sức gió.

- “Cánh” trong “cánh chim” là: bộ phận để bay của chim, dơi, côn trùng.

- “Cánh” trong “cánh cửa” là: bộ phận hình tấm có thể khép vào mở.

- “Cánh” trong “cánh tay” là: bộ phận của cơ thể người, từ vai đến cổ tay ở hai bên thân mình.

b. Từ “cánh” trong các ví dụ trên là từ đa nghĩa vì đều là một bộ phận của sự vật.

Bài tập 3/trang 36:

***Mắt**: đôi mắt, mắt na, mắt mía, mắt bão, mắt lưới.

Nghĩa gốc: Là cơ quan để nhìn của người hay động vật, giúp phân biệt được màu sắc, hình dáng; thường được coi là biểu tượng của cái nhìn của con người.

Nghĩa chuyên:

- Chỗ lõm giống như hình con mắt, mang chồi, ở một số loài cây (mắt tre, mắt mía)

- Bộ phận giống hình những con mắt ở ngoài vỏ một số loại quả (mắt dưa, na mở mắt)

- Phần trung tâm của một cơn bão (mắt bão)

* **Tai**

Nghĩa gốc: Cơ quan ở hai bên đầu người hoặc động vật, dùng để nghe.

Nghĩa chuyên:

- Bộ phận ở một số vật, có hình dáng chìa ra giống như cái tai (tai chén, tai ấm)

- Điều không may bất ngờ xảy tới, gây tổn thất lớn (tai tiếng).

Ví dụ khác: Chân (chân bàn, chân giường, chân ghế,...); Lung (lung ghế, lung tường,..)

Bài tập 4/trang 36

a) Câu đố này đố về con chó thui.

b) Điểm thú vị trong câu trên là đã sử dụng hiện tượng đồng âm từ “chín”. “Chín” ở đây không chỉ số đếm mà nghĩa trong câu đố là chỉ tình trạng (thức ăn) được nấu nướng kỹ đến mức ăn được (sẽ cùng trường nghĩa với từ “thui” ở dòng trên).

Bài tập 5/trang 36: Ví dụ về hiện tượng đồng âm để tạo ra những cách nói độc đáo:

1. Ruồi đậu mâm xôi đậu.

2. Kiến bò đĩa thịt bò.

3. Một nghề cho chín còn hơn chín nghề.
4. Bác bác trứng, tôi tôi vôi.
5. Con ngựa đá con ngựa đá, con ngựa đá không đá con ngựa.

=>Hiện tượng đồng âm.

1. **đậu 1:** bu, bay từ chỗ khác đến;
đậu 2: một loại ngũ cốc như đậu xanh, đậu đen.
2. **bò 1:** di chuyển bằng các chân ;
bò 2: động vật có sừng thuộc bộ guốc.
3. **chín 1:** chín chắn, giỏi, thành thạo;
chín 2: số chín.
4. **bác 1:** anh chị của ba mẹ.
bác 2: đánh nhuyễn ra sền sệt.
tôi 1: đại từ nhân xưng ngôi thứ nhất.
tôi 2 (vôi): cho vôi sống vào nước.
5. **đá 1:** vật chất cấu tạo nên vỏ trái đất, có cấu tạo từng mảng, từng hòn.
đá 2: dùng chân tạo ra một lực tác động lên vật gì đó.

Bài tập 6/trang 36:

- a. Các biện pháp tu từ được sử dụng:
 - Liệt kê, đối lập – tương phản:
 - + *Chỉ thấy nước, thấy trời >< không thấy nhà, không thấy cây, không thấy người.*
 - + *sẽ có cây, có cửa, có nhà*
 - Phép điệp điệp ngữ:
 - ... *chỉ thấy nước, thấy trời*
 - Không không thấy nhà, không thấy cây, không thấy người*
 - ...
 - sẽ có cây, có cửa, có nhà*
 - Ấn dụ: hình ảnh “cánh buồm” tượng trưng cho khát khao, ước mơ khám phá những vùng đất mới.
- b. Tác dụng của các biện pháp tu từ:
 - + Tăng thêm cảm giác về sự mê mông của trời nước, của đất nước quê hương.
 - + Tạo nhịp điệu nhịp nhàng cho đoạn thơ.
 - + Nhấn mạnh ước mơ, khát vọng muốn chinh phục, khám phá những vùng đất mới của con người.
 - + Làm cho đoạn thơ thêm sinh động, hấp dẫn, giàu sức biểu cảm, giàu hình ảnh hơn.

Bài tập 7/trang 36:

- a. Từ láy được sử dụng trong bài thơ “Những cánh buồm” (Hoàng Trung Thông):
 - rực rỡ, lênh khênh, rả rích, phơi phới, trầm ngâm, thăm thẳm.*
- b. Tác dụng của từ láy:
 - + Dùng để miêu tả khung cảnh biển đẹp đẽ buổi bình minh cùng hình ảnh hai cha con.
 - + Dùng để bộc lộ cảm xúc của tác giả.

III. Bài ghi

1. Bài tập 1/trang 36:

- a) Từ “trong” 1 chỉ sự tinh khiết, không có gợn, mắt có thể nhìn thấu suốt qua.
Từ “trong” 2 chỉ giới hạn về không gian của hoạt động, sự việc được nói đến.
- b) Nghĩa của hai từ “trong” không liên quan đến nhau.
- c) Đây là hai từ đồng âm.

2. Bài tập 2/Trang 36:

a. Giải thích nghĩa của từ “cánh”:

- “Cánh” trong “cánh buồm” nghĩa là: bộ phận của con thuyền giúp nó có thể di chuyển được trên mặt nước nhờ sức gió.
- “Cánh” trong “cánh chim” là: bộ phận để bay của chim, dơi, côn trùng.
- “Cánh” trong “cánh cửa” là: bộ phận hình tấm có thể khép vào mở.
- “Cánh” trong “cánh tay” là: bộ phận của cơ thể người, từ vai đến cổ tay ở hai bên thân mình.

b. Từ “cánh” trong các ví dụ trên là từ đa nghĩa vì đều là một bộ phận của sự vật.

Bài tập 3/trang 36:

***Mắt**: đôi mắt, mắt na, mắt mía, mắt bão, mắt lưới.

Nghĩa gốc: Là cơ quan để nhìn của người hay động vật, giúp phân biệt được màu sắc, hình dáng; thường được coi là biểu tượng của cái nhìn của con người.

Nghĩa chuyên:

- Chỗ lõm giống như hình con mắt, mang chồi, ở một số loài cây (mắt tre, mắt mía)
- Bộ phận giống hình những con mắt ở ngoài vỏ một số loại quả (mắt dưa, na mở mắt)
- Phần trung tâm của một cơn bão (mắt bão)

* **Tai**

Nghĩa gốc: Cơ quan ở hai bên đầu người hoặc động vật, dùng để nghe.

Nghĩa chuyên:

- Bộ phận ở một số vật, có hình dáng chìa ra giống như cái tai (tai chén, tai ấm)
- Điều không may bất ngờ xảy tới, gây tổn thất lớn (tai tiếng).

Ví dụ khác: Chân (chân bàn, chân giường, chân ghế,...); Lưng (lưng ghế, lưng tường,...)

Bài tập 4/trang 36

a) Câu đố này đố về con chó thui.

b) Điểm thú vị trong câu trên là đã sử dụng hiện tượng đồng âm từ “chín”. “Chín” ở đây không chỉ số đếm mà nghĩa trong câu đố là chỉ tình trạng (thức ăn) được nấu nướng kỹ đến mức ăn được (sẽ cùng trường nghĩa với từ “thui” ở dòng trên).

Bài tập 5/trang 36: Ví dụ về hiện tượng đồng âm để tạo ra những cách nói đố đáo:

1. Ruồi đậu mâm xôi đậu.
2. Kiến bò đĩa thịt bò.
3. Một nghề cho chín còn hơn chín nghề.
4. Bác bác trứng, tôi tôi voi.
5. Con ngựa đá con ngựa đá, con ngựa đá không đá con ngựa.

=>Hiện tượng đồng âm.

1. **đậu 1**: bu, bay từ chỗ khác đến;

đậu 2: một loại ngũ cốc như đậu xanh, đậu đen.

2. **bò 1**: di chuyển bằng các chân ;

bò 2: động vật có sừng thuộc bộ guốc.

3. **chín 1**: chín chắn, giỏi, thành thạo;

chín 2: số chín.

4. **bác 1**: anh chị của ba mẹ.

bác 2: đánh nhuyễn ra sền sệt.

tôi 1: đại từ nhân xưng ngôi thứ nhất.

tôi 2 (vôi): cho vôi sống vào nước.

5. **đá 1**: vật chất cấu tạo nên vỏ trái đất, có cấu tạo từng mảng, từng hòn.

đá 2: dùng chân tạo ra một lực tác động lên vật gì đó.

Bài tập 6/trang 36:

a. Các biện pháp tu từ được sử dụng:

- Liệt kê, đối lập – tương phản:

+ *Chỉ thấy nước, thấy trời >< không thấy nhà, không thấy cây, không thấy người.*

+ *sẽ có cây, có cửa, có nhà*

- Phép điệp điệp ngữ:

... *chỉ thấy nước, thấy trời*

Không không thấy nhà, không thấy cây, không thấy người

...

sẽ có cây, có cửa, có nhà

- Ấn dụ: hình ảnh “cánh buồm” tượng trưng cho khát khao, ước mơ khám phá những vùng đất mới.

b. Tác dụng của các biện pháp tu từ:

+ Tăng thêm cảm giác về sự mê mông của trời nước, của đất nước quê hương.

+ Tạo nhịp điệu nhịp nhàng cho đoạn thơ.

+ Nhấn mạnh ước mơ, khát vọng muốn chinh phục, khám phá những vùng đất mới của con người.

+ Làm cho đoạn thơ thêm sinh động, hấp dẫn, giàu sức biểu cảm, giàu hình ảnh hơn.

Bài tập 7/trang 36:

a. Từ láy được sử dụng trong bài thơ “Những cánh buồm” (Hoàng Trung Thông):

rực rỡ, lênh khênh, rả rích, phơi phới, trầm ngâm, thâm thì.

b. Tác dụng của từ láy:

+ Dùng để miêu tả khung cảnh biển đẹp để buổi bình minh cùng hình ảnh hai cha con.

+ Dùng để bộc lộ cảm xúc của tác giả.

Dặn dò

- Đọc văn bản: “Con là...”

- Trả lời câu hỏi phân hướng dẫn đọc SGK/ 35